TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-12-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Hồng Diễm Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Ông Lê Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 781/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Thôn 2/9, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: H, khu đô thị T khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Đức D, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Thôn 2/9, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: H, khu đô thị T, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trần Đức D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40/2015, quyển số 05 cấp ngày 30/9/2014, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn bà H và ông D sống rất hạnh phúc, cả hai quan tâm chăm sóc nuôi dạy con. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường hay cãi vã, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà H và ông D đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay và không ai quan tâm đến ai. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Đức D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Tú A, sinh ngày 19/11/2014 và Trần Phạm Gia H, sinh ngày 03/01/2020. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A và cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu cháu A và cháu H mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Đức D có văn bản tự khai với những nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: ông D thống nhất lời trình bày của bà H về việc vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Tú A, sinh ngày 19/11/2014 và Trần Phạm Gia H, sinh ngày 03/01/2020. Khi ly hôn, ông D đồng ý giao cháu Trần Phạm Gia H, sinh ngày 03/01/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Tú A, sinh ngày 19/11/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp Tòa án giao cháu A và cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc thì ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Avà cháu H mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Avà cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H và bị đơn ông Trần Đức D có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trần Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C huyện C, tỉnh Nghệ An. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông D và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H và bị đơn ông Trần Đức D.

[2] *Các vấn đề có tranh chấp:* Bà H và ông D là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An vào ngày 30/9/2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không còn ai quan tâm đến ai, hiện nay vợ chồng ly thân. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, ông D đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do bà H và ông D đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, không thể công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông D. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H xin ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Tú A, sinh ngày 19/11/2014 và Trần Phạm Gia H, sinh ngày 03/01/2020. Khi ly hôn, ông D đồng ý giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà H đồng ý nuôi dưỡng con chung. Xét, thỏa thuận nuôi dưỡng con chung của ông D và bà H phù hợp quy định pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2023 cháu Trần Thị Tú A có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi ba mẹ ly hôn. Để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được thực hiện đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao con Trần Thị Tú A cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng ông D có ý kiến trường hợp Tòa án giao cháu A và cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc thì ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu H mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A và cháu H đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện thực hiện mức cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu H mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trần Đức D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Trần Đức D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Đức D.

Về con chung: Bà Phạm Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Tú A, sinh ngày 19/11/2014 và Trần Phạm Gia H, sinh ngày 03/01/2020.

Không ai được quyền cản trở ông Trần Đức D trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Đức D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Tú A, sinh ngày 19/11/2014 và Trần Phạm Gia H, sinh ngày 03/01/2020 mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A và cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị Mỹ H cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Đức D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0012503 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Ông Trần Đức D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Diễm Phúc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

- VKSND tỉnh Bình Dương;

- VKSND TP. Thuận An;
- CC THADS TP. Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

M. ỘI ĐỒ G XÉ XỬ SƠ ẨM
ẨM Á - C Ủ QA IÊ ÒA
Võ hị hu hảo